

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2024/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây cháy chậm công nghiệp**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây cháy chậm công nghiệp.

Điều 1. Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây cháy chậm công nghiệp.

Ký hiệu: QCVN 12-30:2024/BCT.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây cháy chậm công nghiệp số QCVN 12-30:2024/BCT có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
3. Sản phẩm dây cháy chậm công nghiệp được công bố hợp quy trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây cháy chậm công nghiệp số QCVN 06:2015/BCT được tiếp tục sử dụng theo thời hạn sử dụng đã công bố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Hóa chất; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc Hội;
- Ủy ban Khoa học, công nghệ và Môi trường;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ATMT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 12 - 30:2024/BCT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
- DÂY CHÁY CHẠM CÔNG NGHIỆP**

***National technical regulation on safety of industrial explosive
materials - Fuse***

HÀ NỘI - 2024

LỜI NÓI ĐẦU

QCVN 12 - 30:2024/BCT do Tổ soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây cháy chậm công nghiệp biên soạn, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số /2024/TT-BCT ngày tháng năm 2024. Quy chuẩn này thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây cháy chậm công nghiệp số QCVN 06:2015/BCT.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG
NGHIỆP - DÂY CHÁY CHẬM CÔNG NGHIỆP**

***National technical regulation on safety of industrial explosive materials -
Fuse***

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử và quy định quản lý đối với cháy chậm công nghiệp có mã HS 3603.10.00.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan tới cháy chậm công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. Dây cháy chậm công nghiệp là một loại phụ kiện nổ dùng để truyền lửa và khởi nổ kíp đốt. Lõi của dây cháy chậm chứa thuốc Đen và phân bố đều trên toàn bộ chiều dài dây. Vỏ dây có nhiều lớp bằng sợi bông hoặc sợi lanh và các lớp chống thấm nước.

3.2. Cường độ phun lửa thể hiện độ mạnh, yếu của tia lửa khi dây cháy chậm cháy hết phụt ra, thông qua việc đánh giá khả năng mỗi cháy giữa hai đoạn dây cháy chậm đặt cách nhau một khoảng cách nhất định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

4. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này được áp dụng phiên bản được nêu ở dưới đây. Trường hợp tài liệu viện dẫn đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, áp dụng phiên bản mới nhất.

QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

5. Chỉ tiêu kỹ thuật

Chỉ tiêu kỹ thuật của dây cháy chậm công nghiệp được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1. Chỉ tiêu kỹ thuật của dây cháy chậm công nghiệp

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Tốc độ cháy, s/m	s/m	Từ 100 đến 125
2	Đường kính ngoài của dây	mm	Từ 5,0 đến 5,6
3	Đường kính lõi thuốc	mm	Không nhỏ hơn 2,5
4	Khả năng cháy đều và cháy hoàn toàn		Mẫu thử cháy hết, trong quá trình cháy không tắt, không phụt tia lửa qua vỏ dây ra ngoài
5	Thời gian chịu nước ở độ sâu 1 m	H	2

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
6	Cường độ phun lửa	mm	Không nhỏ hơn 40

6. Bao gói, ghi nhãn

6.1. Dây cháy chậm được cuộn thành cuộn 50 m, trong cuộn có tối đa là 5 đoạn; chiều dài của đoạn ngắn nhất không nhỏ hơn 2 m. Các đầu của mỗi đoạn dây cháy chậm có một lớp chất chống ẩm bao kín. Mỗi cuộn dây cháy chậm được cho vào túi PE buộc chặt. 10 túi dây cháy chậm (500 m) được bảo quản trong 01 thùng cacton.

6.2. Thực hiện ghi nhãn dây cháy chậm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và QCVN 01:2019/BCT.

7. Phương pháp thử

7.1. Xác định đường kính ngoài

7.1.1. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.1.1.1. Dây cháy chậm công nghiệp.

7.1.1.2. Thước cặp Panme, độ chính xác $\pm 0,02$ mm.

7.1.1.3. Thước đo chiều dài, có vạch chia 1 mm.

7.1.2. Tiến hành

Quan sát, kiểm tra bằng mắt thường về tình trạng mặt ngoài của dây cháy chậm.

Dùng thước cặp đo đường kính của 03 đoạn dây bất kỳ. Mỗi đoạn đo ở 5 vị trí khác nhau, ghi lại các kết quả.

7.1.3. Đánh giá kết quả

Mẫu thử có mặt ngoài không gãy gập, không dập nát, không ẩm mốc và không bong tróc vỏ.

Kích thước đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 5 của quy chuẩn kỹ thuật này.

7.2. Xác định tốc độ cháy

7.2.1. Nguyên tắc

Xác định khoảng thời gian cháy hết một đoạn dây cháy chậm có độ dài biết trước.

7.2.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.2.2.1. Dây cháy chậm công nghiệp.

7.2.2.2. Đồng hồ bấm giây.

7.2.2.3. Thước đo chiều dài có chia vạch 1 mm.

7.2.2.4. Dụng cụ phát tia lửa hoặc phương tiện mồi cháy chuyên dụng.

7.2.2.5. Dao, thớt gỗ.

7.2.3. Chuẩn bị mẫu

Dùng dao cắt bỏ 5 cm ở đầu mỗi đoạn dây cháy chậm bất kỳ trong lô hàng cần kiểm tra thời gian cháy.

Sau đó cắt 03 đoạn mẫu thử, mỗi mẫu dài 1 m, chính xác đến 1 mm. Cho phép cắt vát một đầu mỗi đoạn mẫu thử để khi đốt được dễ dàng, chiều dài vát là 2 mm. Chiều dài của đoạn mẫu thử được xác định từ điểm giữa của vết vát đến cuối đoạn mẫu thử.

Khi cắt dây cháy chậm các vết cắt phải phẳng, vuông góc với trục của dây. Đối với vết cắt vát, nhát cắt phải gọn. Các vết cắt phải đảm bảo thuốc trong lõi dây không rơi ra ngoài.

7.2.4. Tiến hành thử

Dùng dụng cụ phát tia lửa làm cháy đầu dây cháy chậm, đồng thời bấm đồng hồ đo thời gian. Quan sát mẫu thử cháy.

Khi mẫu thử cháy hết (tia lửa phát ra ở đầu kia của mẫu) lập tức bấm đồng hồ dừng đo. Đọc kết quả trên đồng hồ bấm giây.

7.2.5. Đánh giá kết quả

Yêu cầu thời gian cháy từ 100 giây đến 125 giây. Trong quá trình cháy mẫu thử không tắt, không xuất hiện xì, không phụt tia lửa qua vỏ dây cháy chậm.

Trường hợp có ít nhất 01 mẫu thử không đạt yêu cầu, tiến hành lấy mẫu thử lại lần 2 với số lượng mẫu thử gấp đôi lần 1, yêu cầu lần thử này toàn bộ mẫu thử đạt yêu cầu theo quy định.

Trường hợp thử lần 2, có một mẫu không đạt thì kết luận lô hàng có thời gian cháy không đạt yêu cầu.

Lập báo cáo về các kết quả thử nghiệm, không lấy kết quả trung bình.

7.3. Xác định khả năng cháy đều và cháy hoàn toàn

7.3.1. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.3.1. Dây cháy chậm công nghiệp.

7.3.1. Dụng cụ phát tia lửa.

7.3.1. Dao, thớt gỗ.

7.3.2. Chuẩn bị mẫu

Dùng dao cắt 03 đoạn dây cháy chậm bất kỳ trong lô hàng cần kiểm tra, mỗi đoạn dài 5 m.

Cắt bỏ 5 cm ở hai đầu mỗi đoạn dây, cắt vát một đầu mỗi đoạn mẫu thử để khi đốt được dễ dàng, chiều dài vát là 2 mm.

7.3.3. Tiến hành

Lần lượt rải các đoạn dây cháy chậm trên bãi thử nổ, sao cho dây không bị xoắn hoặc gấp lại.

Tiến hành đốt và quan sát sự cháy của các đoạn dây. Khi đoạn dây này cháy hết mới đốt đoạn dây tiếp theo.

7.3.4. Đánh giá kết quả

Yêu cầu các đoạn dây đem thử nghiệm cháy hết, trong quá trình cháy không tắt, không phụt tia lửa qua vỏ dây ra ngoài.

Trường hợp có ít nhất 01 mẫu thử không đạt yêu cầu, tiến hành lấy mẫu thử lại lần 2 với số lượng mẫu thử gấp đôi lần 1. Yêu cầu lần thử này toàn bộ mẫu thử đạt yêu cầu quy định.

Trường hợp thử lần 2, có một mẫu không đạt theo quy định thì kết luận lô hàng không đạt yêu cầu.

7.4. Xác định khả năng chịu nước

7.4.1. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.4.1.1. Dây cháy chậm công nghiệp.

7.4.1.2. Thùng chứa nước hoặc bể nước có chiều cao lớn hơn 1 m.

7.4.1.3. Băng dính hoặc chất chống ẩm.

7.4.1.4. Dụng cụ phát tia lửa hoặc phương tiện mồi cháy chuyên dụng.

7.4.1.5. Dao, thớt gỗ.

7.4.2. Tiến hành

Dùng dao cắt 03 đoạn dây cháy chậm bất kỳ trong lô hàng cần xác định khả năng chịu nước, mỗi đoạn dài 5 m. Dùng băng dính quấn hai đầu đoạn dây hoặc nhúng trong chất chống ẩm, đảm bảo nước không ngấm qua đầu dây. Cuộn lại thành cuộn, đem ngâm nước trong thùng chứa hoặc bể có độ sâu 1 m nước.

Thời gian ngâm nước là 2 h. Hết thời gian ngâm nước, lấy các đoạn dây cháy chậm ra khỏi nước, lau khô nước bám trên dây bằng khăn khô, sạch.

Cắt bỏ 5 cm ở đầu mỗi đoạn dây, cho phép cắt vát một đầu mỗi đoạn dây để khi đốt được dễ dàng.

Lần lượt rải các đoạn dây cháy chậm trên bãi thử nổ, sao cho dây không bị xoắn hoặc gấp lại.

Tiến hành đốt và quan sát sự cháy của các đoạn dây. Khi đoạn dây này cháy hết mới đốt đoạn dây tiếp theo.

7.4.3. Đánh giá kết quả

Yêu cầu các đoạn dây cháy hết. Quá trình cháy không có hiện tượng tắt, xì hoặc phụt tia lửa qua vỏ dây ra ngoài thì kết luận lô dây cháy chậm mang thử nghiệm có khả năng chịu nước tốt.

Trường hợp có ít nhất 01 mẫu thử không đạt yêu cầu, tiến hành lấy mẫu thử lại lần 2 với số lượng mẫu thử gấp đôi lần 1. Yêu cầu lần thử này toàn bộ mẫu thử đạt yêu cầu quy định.

Trường hợp thử lần 2, có một mẫu không đạt thì kết luận lô hàng có khả năng chịu nước không đạt yêu cầu.

7.5. Xác định cường độ phun lửa

7.5.1. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.5.1.1. Dây cháy chậm công nghiệp;

- Ống thủy tinh trong suốt, thông 2 đầu, đường kính trong của ống từ 6,0 mm đến 6,5 mm, chiều dài ống từ 100 mm đến 130 mm.

7.5.1.2. Thước đo chiều dài có chia vạch 1 mm.

7.5.1.3. Dụng cụ phát tia lửa hoặc phương tiện mồi cháy chuyên dụng.

7.5.1.4. Dao, thớt gỗ.

7.5.2. Chuẩn bị mẫu

Lấy 03 đoạn dây cháy chậm bất kỳ trong lô hàng cần kiểm tra.

Cắt mỗi đoạn dây 02 đoạn mẫu thử dài $100 \text{ mm} \pm 1 \text{ mm}$. Đảm bảo vết cắt phẳng, vuông góc với trục của dây và thuốc trong lõi dây không rơi ra ngoài.

7.5.3. Tiến hành thử

Cho 2 đoạn mẫu thử vào trong ống thủy tinh sao cho 2 đầu của 2 đoạn dây cách nhau 40 mm. Khoảng cách trên không bị xô dịch trong quá trình thử.

Đốt cháy một đầu của đoạn mẫu thử thứ nhất. Quan sát mẫu thử cháy.

Thực hiện thử nghiệm 03 mẫu như trên.

7.5.4. Đánh giá kết quả

Yêu cầu ngọn lửa của đoạn dây cháy chậm thứ nhất phải bắt cháy được đoạn dây cháy chậm thứ 2.

Trường hợp khi thử có ít nhất 01 mẫu không bắt cháy, tiến hành thử lại lần 2 với số lượng mẫu thử gấp đôi lần 1. Lần thử này yêu cầu toàn bộ số mẫu thử đạt yêu cầu quy định;

Trường hợp thử lần 2, có một mẫu không đạt thì kết luận lô hàng có cường độ phun lửa không đạt yêu cầu.

7.6. Quy định về an toàn trong thử nghiệm

Phải tuân thủ quy định về an toàn trong bảo quản, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT trong quá trình thử nghiệm và tiêu hủy mẫu không đạt yêu cầu.

7.7. Quy định về sử dụng phương tiện đo

Phương tiện đo phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

8. Quy định về quản lý

8.1. Dây cháy chậm công nghiệp phải công bố hợp quy phù hợp quy định kỹ thuật tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường.

8.2. Dây cháy chậm công nghiệp sản xuất trong nước, nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

9. Công bố hợp quy

9.1. Việc công bố hợp quy dây cháy chậm công nghiệp sản xuất trong nước, nhập khẩu phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2019/TT-BCT) hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKH ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ

trường Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN).

9.2. Chứng nhận hợp quy

Chứng nhận hợp quy đối với dây cháy chậm công nghiệp sản xuất trong nước, nhập khẩu thực hiện theo phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc lô hàng nhập khẩu kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” hoặc phương thức 7 “Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa” tại cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN).

9.3. Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận hợp quy phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT hoặc tổ chức được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN.

9.4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy

Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy đối với dây cháy chậm công nghiệp sản xuất trong nước và nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT.

10. Sử dụng dấu hợp quy

Dấu hợp quy phải tuân thủ theo khoản 2 Điều 4 của quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

11.1. Trách nhiệm của tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu dây cháy chậm công nghiệp

11.1.1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh dây cháy chậm công nghiệp phải đảm bảo yêu cầu quy định tại Phần II, thực hiện quy định tại Phần III của Quy chuẩn kỹ thuật này và đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

11.1.2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu dây cháy chậm công nghiệp phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công Thương nơi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT.

11.2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

11.2.1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ thuộc Bộ Công Thương, các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

11.2.2. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, đôn đốc về thực hiện các thủ tục công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng dây cháy chậm công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

12. Điều khoản chuyển tiếp

Sản phẩm dây cháy chậm công nghiệp được công bố hợp quy trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây cháy chậm công nghiệp số QCVN 06:2015/BCT được tiếp tục sử dụng theo thời hạn sử dụng đã công bố.

13. Hiệu lực thi hành

13.1. Quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

13.2. Trong quá trình thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này, trường hợp tổ chức, cá nhân có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

13.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, Tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản hiện hành./.